

Số: 160/2026/QĐST-HNGĐ

Lai Châu, ngày 21 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LAI CHÂU

Căn cứ các Điều 149, 212, 213, 361, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 54, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 250/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Anh Vừ A P Sinh ngày: 01/01/1991

Địa chỉ : Bản Ô, xã B, Tỉnh Lai Châu

- Người yêu cầu: Chị Giàng Thị S Sinh ngày: 01/01/1995

Địa chỉ : Bản Ô, xã B, Tỉnh Lai Châu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng anh Vừ A P và chị Giàng Thị S trở về đoàn tụ nhưng không thành. Tòa án đã lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự), xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S chung sống với nhau như vợ chồng và đi đăng ký kết hôn ngày 31/7/2013 tại UBND xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu nay là UBND xã B, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng sau đó vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân là cả hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm giữa anh chị không còn, nên quyết định cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S có 04 con chung là cháu Vừ A P1, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Vừ Minh K, sinh ngày 13/5/2013; cháu Vừ Lan

A, sinh ngày 04/6/2016; cháu Vừ Minh L, sinh ngày 08/3/2022. Chị S và anh P cùng thỏa thuận và thống nhất như sau:

Anh Vừ A P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung là các cháu Vừ A P1, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Vừ Minh K, sinh ngày 13/5/2013; cháu Vừ Lan A, sinh ngày 04/6/2016; cháu Vừ Minh L, sinh ngày 08/3/2022 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 500.000 đồng/ tháng/ cháu. Tổng chị Giàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/9/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Chị Giàng Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S thỏa thuận chị S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Giàng Thị S đã nộp lệ phí theo quy định.

[2] Xét thấy các đương sự đã thực sự tự nguyện ly hôn. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án cần chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải, hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Vừ A P và chị Giàng Thị S.

- Về việc nuôi con: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S có 04 con chung là cháu Vừ A P1, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Vừ Minh K, sinh ngày 13/5/2013; cháu Vừ Lan A, sinh ngày 04/6/2016; cháu Vừ Minh L, sinh ngày 08/3/2022. Chị S và anh P cùng thỏa thuận và thống nhất như sau:

Anh Vừ A P là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung là các cháu Vừ A P1, sinh ngày 22/02/2012 và cháu Vừ Minh K, sinh ngày

13/5/2013; cháu Vừ Lan A, sinh ngày 04/6/2016; cháu Vừ Minh L, sinh ngày 08/3/2022 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Giàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 500.000 đồng/ tháng/ cháu. Tổng chị Giàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng (Hai triệu đồng chẵn) cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 15/9/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh P có đơn yêu cầu thi hành án, chị S chưa thi hành được (không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con như trên hoặc không đóng đầy đủ) thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Chị Giàng Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn và không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S mỗi người phải nộp 150.000 đồng tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự. Anh Vừ A P và chị Giàng Thị S thỏa thuận chị Giàng Thị S là người nộp toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận chị Giàng Thị S đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí việc Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số 0000048 ngày 06/8/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Nay số tiền đã nộp được chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 1 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 1 - Lai Châu;
- UBND xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Tuyết

